



Tuần 34 (22/08-26/08/22) BSC WEEKLY REVIEW

Sự vận động các ETF tại Việt Nam



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Duy trì động lực tăng, các nhịp rung lắc thường xuyên hơn*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Sự vận động các ETF tại Việt Nam*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *Giao dịch qua đêm suy giảm so với tuần trước*
4. PTKT VN-INDEX: *Đà tăng chặn lại bởi các đường trung bình động 100 của đồ thị ngày và tuần*
5. TIN VĨ MÔ: *Trung Quốc tiếp tục nới lỏng CSTT*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Thực phẩm và đồ uống 3.28%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Khối ngoại duy trì đà mua ròng trong tuần*
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Duy trì động lực tăng, các nhịp rung lắc thường xuyên hơn*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1269.18	0.54%
GTGD/piên (tỷ VND)	14,176.77	1.14%
Khối ngoại (tỷ VND)	567.62	
HNX-INDEX	297.94	-1.98%
GTGD/piên (tỷ VND)	1532.13	-17.36%
Khối ngoại (tỷ VND)	47.73	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4283.74	0.23%	1.82%	7.12%
EU (EURO STOXX)	3754.66	-0.60%	-0.59%	4.40%
China (SHCOMP)	3258.08	-0.59%	-0.59%	-0.36%
Japan (NIKKEI)	28930.33	-0.04%	1.34%	4.05%
Korea (KOSPI)	2492.69	-0.61%	-1.39%	3.47%
Singapore (STI)	3246.51	-0.82%	-0.70%	2.99%
Thailand (SET)	1625.92	-0.62%	0.23%	6.03%
Phillipines (PCOMP)	6863.86	0.57%	2.45%	9.59%
Malaysia (KLCI)	1504.44	-0.80%	-0.12%	2.64%
Indonesia (JCI)	7172.43	-0.20%	0.17%	4.49%
Vietnam (VNIndex)	1269.18	-0.35%	0.54%	6.23%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2208	1304.70	1%	23,440	35,607
VN30F2209	1281.00	-1.08%	1,488	12,364
VN30F2212	1271.60	-1.80%	6	438
VN30F2203	1266.80	-2.17%	9	450

TTCK VIỆT NAM

Thị trường tạo nền giá mới với sự hỗ trợ các cổ phiếu chủ chốt

Với mức tăng 0.5%, đà tăng VN-Index đang chứng lại cho dù vẫn duy trì chuỗi tăng điểm tuần thứ 6. Nền giá tiếp tục được đẩy từ 1,250 lên 1,270 điểm nhờ sự tăng giá của nhóm cổ phiếu lớn như SAB, MSN, VIC, và VNM. Thị trường phân hóa mạnh với 11/19 ngành tăng điểm nhưng chỉ có đến 250 cổ phiếu giảm so với 132 cổ phiếu tăng. Thị trường có một số tin đồn liên quan đến room tín dụng, tuy nhiên điều này chưa sớm xảy ra. VN-Index cần 1 phiên tăng điểm chạy đà vượt qua đường trung bình động SMA 100 để tiếp tục hướng tới 1,300 điểm. Dù vậy, chúng tôi cho rằng cần thận trọng trong giao dịch khi các nhịp rung lắc dự báo sẽ diễn ra thường xuyên và biến động phức tạp hơn trong tuần tới.

Tuần 10-17/08, lãi suất qua đêm tiếp tục giảm từ mức 3.92% xuống còn 2.05%. Nguyên nhân chủ yếu là do tín phiếu đáo hạn sau 4 tuần (29-32) đã bơm ròng 143,378 tỷ đồng, đã giúp thanh khoản hệ thống ngân hàng trở nên dồi dào hơn và kéo mức lãi suất liên ngân hàng suy giảm nhanh. Tuần 33, SBV đã hút ròng 94,429 nghìn tỷ đồng qua kênh tín phiếu, đã giảm của lãi suất liên ngân hàng đã bị kìm hãm và tăng trở lại ở kỳ hạn qua đêm (2.05%) và 1 tuần (2.52%). Hoạt động bơm hút qua các kênh điều tiết vẫn đang được SBV tích cực triển khai thời điểm hiện tại.

Gói hỗ trợ lãi suất 2% mới chỉ đạt mức 1.02 tỷ sau gần 3 tháng triển khai so với kế hoạch 16,035 tỷ trong năm 2022. Ngoài việc các Ngân hàng khó khăn xác định đối tượng hỗ trợ, còn từ phía ngân hàng. Vấn đề này có thể xuất phát từ việc các NH hết room tín dụng cho khách hàng vay mới. Số liệu này cũng phản ánh tính cấp bách trong việc mở room tín dụng để khai thông dòng vốn tín dụng và thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phục hồi kinh tế theo nghị quyết 43.

TTCK THẾ GIỚI

NHTW Trung Quốc tăng lãi suất trong bối cảnh lạm phát gia tăng

TTCK Hoa Kỳ vẫn duy trì đà tăng tích cực quanh 1.5%, vận động có phần trùng lại trước dữ liệu bán lẻ không tăng trưởng và lập trường thắt chặt chính sách tiền tệ của biên bản FOMC. Các thị trường Châu Âu và Châu Á lại kém tích cực hơn khi có biến động tăng giảm trái chiều trong biên độ hẹp. Nỗi lo tăng trưởng chậm của Trung Quốc khiến cho giá dầu và giá kim loại giảm điểm, kéo theo chỉ số hàng hóa Bcom giảm -1.9%. Giá vàng giảm và đồng USD lại mạnh lên. USD Index tăng 1.9%, mức tăng chủ yếu so với đồng tiền chủ chốt như EUR, JPY và đặc biệt tăng 15% so với MMK (Myanmar). Các đề lạm phát, an ninh năng lượng EU và tăng trưởng Trung Quốc đang là các vấn đề nổi bật ảnh hưởng lên các thị trường.

NHTW Trung Quốc bất ngờ giảm lãi suất chính sách chủ chốt lần đầu kể từ tháng 1/2022, theo đó lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm giảm 10 điểm cơ bản xuống 2.75%, lãi suất repo kỳ hạn 7 ngày giảm từ 2.1% xuống 2%. Động thái giảm lãi suất PBoC diễn ra trong bối cảnh khủng hoảng bất động sản và các đợt dịch bùng phát kéo theo tăng trưởng tín dụng yếu và tăng trưởng kinh tế trì trệ. Tỷ lệ thất nghiệp dưới trẻ cũng lập kỷ lục 20%. Động thái này của SBV khiến các tổ chức tài chính nhận định đây là bước đầu trong chuỗi các chính sách bao gồm nới lỏng tiền tệ và đưa ra gói kích thích tài khóa để thúc đẩy nhu cầu nội địa. Các chính sách hỗ trợ sản xuất, ổn định thị trường bất động sản cũng đóng vai trò chủ chốt vực dậy sản xuất và tiêu dùng.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự vận động các ETF tại Việt Nam

Ngày 04/07/2014 đánh dấu bước khởi đầu cho hoạt động sôi nổi của các Quỹ ETF tại thị trường Việt Nam khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ETF đầu tiên tại Việt Nam (VFMVN30) – hiện nay là ETF E1VFN30 tham chiếu theo chỉ số VN30 Index. Kể từ thời điểm đó đến nay hoạt động của các Quỹ ETF trong nước nói riêng và thế giới nói chung có xu hướng phát triển và ngày càng thu hút được dòng vốn trong nước cũng như nước ngoài.

1. Thông tin các Quỹ ETF đầu tư tại Việt Nam

TTCK Việt Nam hiện nay có 9 chứng chỉ quỹ (CCQ) ETF đang được giao dịch trên Sở GDCK Tp.HCM với quy mô tăng dần theo thời gian, tổng giá trị tài sản ròng của các quỹ ước ghi nhận 30,228 tỷ đồng (tương đương 1,314.27 triệu USD), trong đó CCQ ETF Diamond có quy mô lớn nhất với quy mô 17,487 tỷ đồng.

Bảng 01: Tổng hợp thông tin các Quỹ ETF đang niêm yết tại TTCK Việt Nam

STT	Quỹ ETF	Mã ký hiệu	Chỉ số tham chiếu	CTQLQ	Ngày giao dịch đầu tiên	NAV (Tỷ VND)	iNAV (VND/CCQ)	Số lượng CCQ (Triệu)	Ghi chú
1	Quỹ ETF VFMVN30	E1VFN30	VN30	Dragon Capital	06/10/2014	7,828.0	21,933	357	
2	ETF SSIAM VNX50	FUESSV50	VN50	SSI	24/10/2017	291.5	18,567	16	
3	ETF SSIAM VNFIN LEAD	FUESSVFL	VN Finlead	SSI	18/03/2020	3,306.5	17,922	184	
4	Quỹ ETF VFMVN DIAMOND	FUEVFN30	VN Diamond	Dragon Capital	12/05/2020	17,486.6	27,221	642	
5	Quỹ ETF VinaCapital VN100	FUEVN100	VN100	Vina Capital	21/07/2020	248.2	16,655	15	
6	ETF SSIAM VN30	FUESSV30	VN30	SSI	18/08/2020	86.8	16,079	5	
7	Quỹ ETF MAFM VN30	FUEMAV30	VN30	Mirae	08/12/2020	648.8	15,232	43	
8	ETF IPAAM VN100	FUEIP100	VN100	IPAAM	12/10/2021	52.5	9,219	6	
9	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30	VN30	KIM	07/01/2022	279.2	8,461	33	
10	Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP	FUEDCMID	VN Midcap	Dragon Capital					2 Quỹ mới
11	KIM VNFINSELECT ETF		VN Finselect	KIM					
Tổng						30,228.1		1,301	

*Dữ liệu cập nhật đến 16/08/2022

Nguồn: Tổng hợp, Bloomberg, BSC Research

Mức độ hấp dẫn của các ETF phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất của bộ chỉ số tham chiếu bên cạnh uy tín của đơn vị quản lý quỹ. Với thời gian thành lập hơn 2 năm nhưng ETF Diamond và Finlead đã thể hiện sự thu hút dòng tiền – đặc biệt là ETF Diamond khi quỹ này liên tục gia tăng quy mô với nguồn vốn đến từ nước ngoài hướng đến các doanh nghiệp chất lượng nhưng bị giới hạn tỷ lệ sở hữu dành cho NĐTNN.



CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự vận động các ETF tại Việt Nam

Bảng 02: Tổng hợp thông tin các Quỹ ETF nước ngoài đang đầu tư vào Việt Nam

STT	Quỹ ETF	Tên gọi	Chỉ số tham chiếu	Quốc gia	Ngày giao dịch đầu tiên	Tài sản quỹ (triệu USD)	iNAV (USD/CCQ)	Số lượng CCQ (Triệu)	Ghi chú
1	X FTSE Vietnam Swap	FTSE Vietnam	FTSE Vietnam	Luxembourg	02/06/2008	309.06	35.27	8.8	
2	Vaneck Vietnam ETF	ETF VNM	MVIS Vietnam	US	14/08/2009	391.38	15.59	25.1	
3	ISHR MSCI FRONT & SEL EM ETF	iShare	MSCI Frontier	US	13/09/2012	360.56	28.06	12.9	VN tỷ trọng 28.17% Đầu tư vào CCQ E1
4	Kim Kindex Vietnam VN30 ETF	KIM Vietnam	VN30	Korea	28/06/2016	128.03	16	8.0	
5	Premia MSCI Vietnam ETF	Premia	MSCI Vietnam	Hong Kong	18/07/2019	25.55	10.22	2.5	
6	Fubon FTSE Vietnam ETF	Fubon FTSE	FTSE Vietnam 30	Taiwan	30/03/2021	603.83	0.49	1,228.2	
7	Asian Growth CUBS ETF	Asian CUBS	Tập trung 5 Quốc gia	US	17/06/2021	11.26	22.09	0.5	VN tỷ trọng 28.91%
Tổng						1,829.67		1,285.95	

*Dữ liệu cập nhật đến 17/08/2022

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định: Số lượng Quỹ ETF nước ngoài đầu tư vào Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn so với quy mô của TTCK Việt Nam tuy nhiên đang có xu hướng cải thiện. Trong năm 2021 chứng kiến sự gia nhập của Quỹ Fubon FTSE đến từ Đài Loan với đánh giá lạc quan về tiềm năng tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam – hơn 1 năm kể từ khi thành lập tổng tài sản Quỹ đã đạt 603.83 triệu USD – quy mô lớn nhất trong 07 quỹ nước ngoài và xếp thứ 2 trong 16 Quỹ ETF đang đầu tư vào thị trường (sau quỹ ETF Diamond). Trong năm 2022, TTCK Việt Nam đón nhận thêm thông tin về việc niêm yết 02 CCQ quỹ mới là ETF Midcap và ETF FinSelect – điều này tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực, đa dạng các sản phẩm trên thị trường.

2. Đánh giá dòng vốn và hiệu quả các Quỹ ETF tại Việt Nam

Bảng 03: Bảng tổng hợp dòng tiền một số Quỹ ETF chính trong nước (từ 2020 đến nay)

Đơn vị: Triệu USD

Tháng	E1VFN30			FUEVFN30			FUESSVFL			Tổng
	2020	2021	2022	2020	2021	2022	2020	2021	2022	
Jan	11.58	6.63	(12.34)		56.88	(0.93)		-	6.69	68.52
Feb	5.65	(29.26)	(35.09)		2.03	17.66		-	3.54	(35.47)
Mar	(13.83)	(35.58)	(19.05)		36.78	18.60	-	0.27	(8.87)	(21.68)
Apr	(6.22)	(4.82)	9.61		26.57	40.21	-	-	0.75	66.09
May	(0.21)	(6.44)	3.09	24.83	1.97	130.04	8.08	-	4.20	165.54
Jun	(27.35)	2.30	(12.77)	32.15	(4.44)	38.36	8.96	-	0.69	37.89
Jul	2.49	6.79	(5.12)	5.36	1.97	(22.38)	4.35	-	7.24	0.68
Aug	7.57	4.54	(3.59)	8.40	(32.64)	(33.04)	-	-	5.24	(43.52)
Sep	5.17	(0.84)		12.65	(43.63)		0.83	1.86		(23.96)
Oct	(7.02)	24.84		4.27	0.87		0.32	8.53		31.80
Nov	4.60	(17.46)		11.44	23.69		-	9.75		32.03
Dec	0.80	3.74		77.53	(1.93)		3.31	6.19		89.64
Tổng	(16.78)	(45.56)	(75.27)	176.62	68.12	188.51	25.85	26.60	19.47	

*Dữ liệu cập nhật đến 18/08/2022

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự vận động các ETF tại Việt Nam

Bảng 04: Bảng tổng hợp dòng tiền một số Quỹ ETF ngoại có tỷ trọng đầu tư lớn vào thị trường Việt Nam (từ 2020 đến nay)

Đơn vị: Triệu USD

Tháng	Fubon FTSE			ETF VNM			FTSE Vietnam			Tổng
	2020	2021	2022	2020	2021	2022	2020	2021	2022	
Jan			50.22	1.54	9.08	-	(2.33)	9.61	(0.52)	67.59
Feb			0.93	(3.42)	6.20	-	(1.95)	5.62	(1.19)	6.20
Mar			6.65	(26.23)	-	(19.57)	(19.25)	6.17	(5.69)	(57.91)
Apr		167.99	13.91	(12.79)	8.51	(6.36)	5.93	2.03	(13.44)	165.78
May		0.27	100.74	(1.27)	-	(3.08)	(2.82)	(32.26)	(3.34)	58.24
Jun		(6.53)	47.38	7.65	-	(2.26)	(2.23)	(1.01)	(0.57)	42.42
Jul		171.81	17.03	11.31	10.89	(12.92)	6.31	(1.68)	7.76	210.50
Aug		(77.45)	7.28	7.13	6.89	1.55	(0.64)	1.76	25.43	(28.06)
Sep		(6.76)		-	(0.97)		0.98	(57.39)		(64.14)
Oct		(27.53)		(3.09)	(1.98)		0.88	(4.71)		(36.42)
Nov		(19.09)		-	-		5.67	(6.51)		(19.93)
Dec		(1.33)		6.69	(10.48)		59.58	(6.68)		47.79
Tổng	-	201.39	244.14	(12.48)	28.14	(42.65)	50.13	(85.05)	8.44	

*Dữ liệu cập nhật đến 18/08/2022

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

+ Đối với các ETF trong nước: 3 Quỹ ETF (E1, Diamond, Finlead) với tổng tài sản 28,621 tỷ đồng (tương đương 1,244 triệu USD - chiếm 94.7% tổng tài sản của 9 Quỹ ETF nội) có xu hướng rút ròng trong tháng 01+02+07+08 và tăng ròng trong các tháng còn lại. Kể từ 2020 đến nay, ETF E1 có xu hướng chủ đạo rút ròng trong khi đó Diamond và Finlead liên tục gia tăng quy mô, đặc biệt ETF Diamond luôn là điểm đến ưa thích của các nhà đầu tư nước ngoài như Thái Lan, Đài Loan...

+ Đối với các ETF nước ngoài: 3 Quỹ ETF (Fubon, VNM, FTSE Vietnam) với tổng tài sản 1,304 triệu USD (chiếm 71.2% tổng tài sản của 7 Quỹ ETF ngoại) có xu hướng rút ròng vào cuối năm (từ T08-T11) và tháng 03. Trong đó Fubon FTSE là quỹ hoạt động tích cực nhất khi liên tục gia tăng quy mô kể từ khi hoạt động, ở chiều ngược lại 2 Quỹ có lịch sự hoạt động lâu đời (VNM, FTSE Vietnam) đang có xu hướng giảm ròng trong thời gian gần đây.

+ Tổng hợp dòng tiền các ETF: 06 Quỹ với tổng tài sản 2,548 triệu USD (chiếm 81.1% tổng tài sản 16 Quỹ ETF đang hoạt động) có xu hướng rút ròng trong 05/12 tháng, xu hướng rút ròng tập trung ở các giai đoạn cuối Quý 1 (từ T02-T03) và cuối Quý 3 (từ T08-T10).

CHUYÊN MỤC TUẦN: Sự vận động các ETF tại Việt Nam

Bảng 05: Hiệu suất các Quỹ ETF và VN-Index

Hiệu suất theo tháng - năm 2020								Hiệu suất theo tháng - năm 2021							
Tháng	ETF E1	Diamond	Finlead	Fubon FTSE	ETF VNM	FTSE Vietnam	VN-Index	Tháng	ETF E1	Diamond	Finlead	Fubon FTSE	ETF VNM	FTSE Vietnam	VN-Index
Jan	-4.13%				-6.88%	-4.02%	-2.52%	Jan	-2.78%	3.84%	1.83%		-3.26%	-0.23%	-4.19%
Feb	-2.05%				-7.72%	-5.82%	-5.74%	Feb	12.57%	9.74%	10.58%		4.02%	7.76%	10.62%
Mar	-22.44%				-24.02%	-21.59%	24.79%	Mar	2.03%	1.48%	5.92%		2.84%	4.72%	2.01%
Apr	11.63%		-10.91%		19.25%	15.35%	16.15%	Apr	9.45%	10.11%	7.80%		4.14%	1.33%	4.04%
May	12.25%		16.00%		10.04%	14.74%	12.48%	May	12.23%	11.74%	26.21%	0.65%	4.40%	6.11%	7.24%
Jun	-1.26%	-5.06%	-3.56%		-1.90%	-6.40%	-4.43%	Jun	4.66%	5.03%	3.97%	9.90%	5.64%	8.50%	6.34%
Jul	-6.77%	-4.56%	-4.25%		1.93%	-6.91%	-2.83%	Jul	-4.80%	-0.78%	-8.38%	-6.65%	-5.96%	-5.04%	-6.91%
Aug	11.21%	14.86%	13.77%		7.30%	4.94%	10.54%	Aug	-2.03%	-1.88%	-4.64%	2.08%	1.02%	1.42%	1.68%
Sep	5.29%	4.86%	6.46%		1.02%	6.85%	2.94%	Sep	1.87%	4.92%	0.89%	0.12%	-2.43%	2.79%	1.00%
Oct	2.62%	4.11%	-0.29%		-0.74%	5.70%	2.37%	Oct	4.73%	5.60%	0.49%	5.80%	5.35%	6.51%	7.68%
Nov	9.19%	11.49%	10.14%		8.28%	4.55%	8.52%	Nov	0.35%	1.01%	11.76%	4.43%	2.22%	3.18%	2.40%
Dec	10.63%	10.82%	19.74%		10.04%	5.60%	10.40%	Dec	0.12%	0.18%	-1.40%	-1.45%	2.87%	0.28%	1.57%

Hiệu suất theo tháng - năm 2022								Hiệu suất theo năm							
Tháng	ETF E1	Diamond	Finlead	Fubon FTSE	ETF VNM	FTSE Vietnam	VN-Index	Năm	ETF E1	Diamond	Finlead	Fubon FTSE	ETF VNM	FTSE Vietnam	VN-Index
Jan	-0.35%	-0.53%	-3.43%	-3.17%	-6.94%	-3.13%	-1.20%	Năm 2017	59.10%				38.55%	32.02%	52.33%
Feb	0.23%	5.73%	4.56%	0.18%	-1.29%	-2.33%	0.77%	Năm 2018	-11.56%				-16.83%	-6.65%	-7.54%
Mar	-1.94%	1.97%	-3.04%	-0.53%	-3.28%	-1.21%	0.17%	Năm 2019	3.14%				9.24%	5.14%	9.81%
Apr	-5.30%	-4.09%	10.04%	-6.11%	-9.70%	-5.39%	-8.37%	Năm 2020	21.95%				9.84%	6.98%	17.01%
May	-6.93%	-2.95%	-9.09%	-7.82%	-5.87%	-7.36%	-5.18%	Năm 2021	43.50%	63.08%	64.69%		22.05%	43.30%	37.36%
Jun	-4.26%	-1.46%	-8.06%	-5.43%	-10.22%	-4.75%	-7.23%	Năm 2022	-15.60%	-4.10%	-19.48%	-15.59%	-26.37%	-15.66%	-14.47%
Jul	-1.87%	-4.31%	1.81%	0.86%	2.29%	1.46%	1.13%								
Aug	4.06%	1.89%	7.42%	5.98%	6.18%	6.53%	5.22%								

*Dữ liệu cập nhật đến 18/08/2022, hiệu suất tính toán đã bao gồm lợi suất cổ tức

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

+ ETF Diamond: có hiệu suất tốt nhất trong các ETF còn lại và vượt chỉ số VN-Index trong năm 2021 và năm 2022 đến thời điểm hiện tại, cụ thể Diamond có hiệu suất tốt nhất trong 06 tháng liên tục kể từ T11/2021 đến T04/2022.

+ ETF Finlead: giữ được hiệu suất tốt so với thị trường kể từ T05/2020 đến T05/2021 – thời điểm thị trường tăng điểm tốt và dòng tiền hướng đến các nhóm cổ phiếu lĩnh vực tài chính. Trong khi đó, ETF E1 có hiệu suất giảm dần kể từ năm 2020 đến nay.

+ ETF ngoại: ETF VNM, FTSE Vietnam có hiệu suất kém hơn so với VN-Index cũng như các ETF nội. ETF Fubon FTSE mặc dù mới thành lập tuy nhiên cũng giữ được hiệu suất trung bình so với nhóm đồng thời liên tục gia tăng quy mô – điều này cho thấy tầm nhìn dài hạn vào sự tăng trưởng của Việt Nam đến từ các nhà đầu tư Đài Loan.



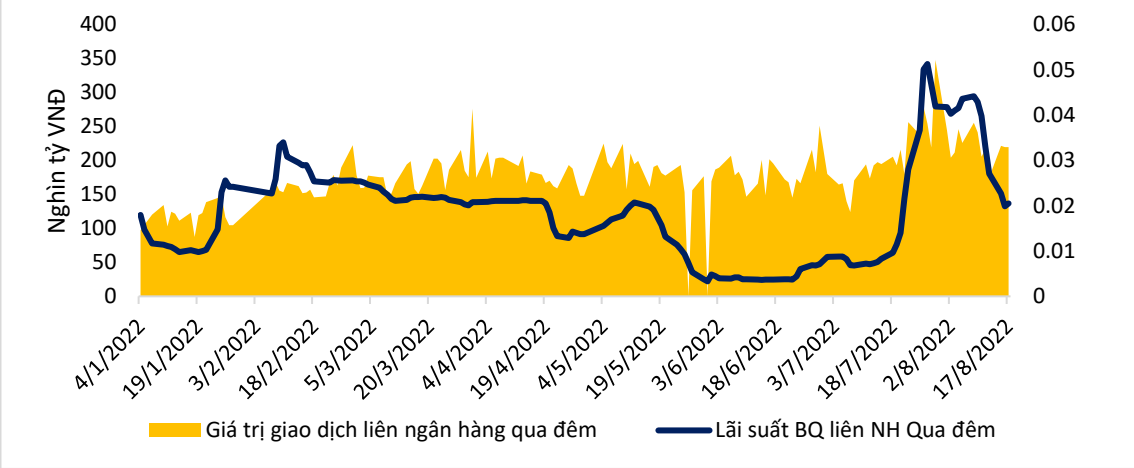
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị bán (tỷ VNĐ)	Giá trị đáo hạn (tỷ VNĐ)	Giá trị ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 31	8/1/2022	8/5/2022	12,000.0	39,899.9	-27,899.9
Tuần 32	8/8/2022	12/8/2022	9,700.0	58,899.5	-49,199.5
Tuần 33	8/15/2022	8/19/2022	103,729.6	9,700.0	94,029.6

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	2.10%	2.52%	2.65%	4.28%	4.75%	6.34%	6.56%
So với tuần trước	-1.64%	-1.40%	-1.24%	-0.23%	-0.42%	0.07%	0.07%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	220,169	10,235	2,135	1,268	3,504	285	4
So với tuần trước	0.65%	-16.85%	-23.15%	10.27%	94.60%	-9.65%	-29.49%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 19/08/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 33, 103.73 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành; 9.7 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu đáo hạn. Như vậy, SBV đã hút ròng 94.03 nghìn tỷ đồng qua kênh tín phiếu. Trên thị trường liên ngân hàng, giao dịch qua đêm kém sôi động hơn so với tuần trước khi lãi suất giảm đáng kể.

- Doanh số BQ LNH qua đêm: 220.17 nghìn tỷ VNĐ
- Lãi suất BQ LNH qua đêm: 2.1%



PTKT VN-INDEX: Đà tăng chặn lại bởi các đường trung bình động 100 của đồ thị ngày và tuần

Đồ thị ngày: Sau phiên tăng điểm chạy đà tốt phiên đầu tuần, VN-Index đã giao dịch giằng co khi đà tăng bị chặn tại vùng từ 1,270 – 1,286 điểm, nơi hội tụ các đường SMA 100 ngày và tuần. 4 cây nến doji liên tiếp, trong đó có một cây nến giảm có bóng nến rộng phiên cuối tuần đang cho thấy khó khăn trong việc vượt qua ngưỡng cản này. Các chỉ báo kỹ thuật cũng giảm từ vùng quá mua và thanh khoản duy trì ở mức trung bình. Biến động này đang cho thấy thị trường đang có nhịp tích lại, lấp gap và vẫn còn động lực tăng điểm tương tự như diễn biến tuần trước.

- Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:
- RSI rơi khỏi vùng mua qua và giữ ở mức 66 điểm.
 - MACD vượt qua mức 0, thu hẹp khoảng cách với đường tín hiệu; Thanh khoản giữ ở mức ổn định.
 - VN-Index chưa thể vượt qua SMA100 đồ thị tuần (1,270 điểm) và đồ thị ngày (1,286 điểm).

Nhận định: Tương tự như nhận định ở tuần trước, thị trường vẫn còn động lực tăng điểm sau nhịp tích lũy xen kẽ cùng phiên rung lắc. Lực cầu bắt đáy vùng thấp và thanh khoản ổn định tiếp tục vẫn là yếu tố kỳ vọng giữ đà tăng của VN-Index trong tuần tới. Duy trì quan điểm của tuần trước, VN-Index vẫn đang tích lũy tích cực, tạo đà kiểm tra 1,270 điểm (SMA100 đồ thị tuần) và tiếp tục hướng tới 1,300 -1,320 điểm trong 1-2 tuần tới. Dù vậy vẫn lưu ý khả năng rung lắc sẽ diễn ra mạnh hơn trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Trung Quốc tiếp tục nới lỏng CSTT*

VIỆT NAM:

- UBNDTVQH: Nghị quyết sử dụng 1.155 tỷ đồng từ kết dư Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp để chi trả hỗ trợ đối với người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đủ điều kiện.
- UBNDTVQH: Thống nhất giao số tiền gần 78,308 tỷ đồng cho 3 dự án quan trọng quốc gia: đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, dự án ĐTXD đường VĐ4 - vùng Thủ đô HN và đường VĐ 3 TP HCM.
- Chính phủ: Phó Thủ tướng họp với NHNN và các bộ ngành về việc triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định.
- Chính phủ: Xây dựng Vành đai 4 vùng Thủ đô HN trước 30/6/2023, yêu cầu đảm bảo tiến độ cơ bản hoàn thành dự án vào năm 2026 và đưa vào khai thác từ năm 2027.
- Chính Phủ: Thành lập 6 tổ công tác để tiếp tục kiểm tra, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công 2022.
- Bộ Tài chính: 2021, nợ Chính phủ lên đến gần 3.3 triệu tỷ đồng, vay nước ngoài khoảng 1,075 triệu tỷ đồng, trong khi đó vay trong nước tăng lên hơn 2.2 triệu đồng, chiếm 67.2% dự nợ chính phủ.
- Bộ Tài chính: Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Quyết định của Thủ tướng phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025”.
- Tổng cục Hải quan: 7T/2022, tổng giá trị xuất khẩu đạt 217.3 tỷ USD, nhập khẩu đạt gần 216.3 tỷ USD; theo đó cán cân thương mại nghiêng về xuất siêu gần 1.1 tỷ USD.
- Tổng cục Thuế: Tổng số tiền thuế nợ ngành thuế quản lý ước tính đến cuối T7 là 133,639 tỷ đồng, +16.2% so với cuối 2021 và +17% svck.
- Dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam dự kiến trình Bộ chính trị trong tháng 9. Hai đoạn tuyến Hà Nội - Vinh, Nha Trang - TP.HCM với tổng mức đầu tư gần 25 tỷ USD sẽ được khởi công trước.
- Lãi suất VND liên ngân hàng từ mức 5.13%/năm rơi về 2.67%/năm, chênh lệch lãi suất giữa VND và USD thu hẹp rõ rệt.
- 7T/2022, DN FDI tiếp tục tăng vốn đầu tư vào VN, vốn FDI thực hiện đạt 11.57 tỷ USD, giá trị cao nhất cùng kỳ trong 5 năm trở lại.
- Apple chọn Việt Nam làm nơi sản xuất Apple Watch, Macbook, tìm cách đa dạng hóa sản xuất khỏi Trung Quốc.

THẾ GIỚI:

- Mỹ: Biên bản của Fed công bố vào thứ 4 cho thấy kế hoạch tăng lãi suất được chia theo nhiều đợt, tuy nhiên tốc độ đã chậm lại.
- Mỹ: Giá bản lẻ xăng bình quân duy trì xu hướng giảm liên tiếp trong 62 ngày do giá dầu giảm, đạt 3.96 USD/gallon trong 15/8.
- Trung Quốc: PBoC cắt giảm lãi suất từ 2.85% xuống 2.75% đối với các khoản vay kỳ hạn một năm áp dụng cho các tổ chức tài chính, qua đó đưa thêm 400 tỷ Nhân dân tệ vào thị trường.
- Trung Quốc: Kêu gọi 6 tỉnh (chiếm 40% GDP) thúc đẩy các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, Bắc Kinh giảm nắm giữ trái phiếu Kho bạc Mỹ tháng thứ 7 liên tiếp, từ 980.8 tỷ USD xuống 967.8 tỷ USD.
- Trung quốc: Lên kế hoạch cho hội nghị thượng đỉnh với Tổng thống Mỹ, dự kiến được tiến hành bên lề các hội nghị tổ chức tại Đông Nam Á vào tháng 11 tới.
- Nga: GDP Q2/2022 giảm 4% do doanh thu trong các lĩnh vực đều giảm, quy mô nền kinh tế hiện đại gần như tương đương 2018.
- Nga: Xuất khẩu trung bình 1.72 triệu thùng/ ngày sang châu Á, dầu Nga XK giảm mạnh, xuống thấp nhất kể từ T3. Dự kiến thu 337.5 tỷ USD từ xuất khẩu năng lượng trong năm 2022 (tăng 38% svck).
- Anh: Lạm phát tăng vượt 10%, tiếp tục lập đỉnh trong T7 do giá thực phẩm và năng lượng leo thang. Đồng thời, tiền lương thực tế của người lao động sau khi đã khấu trừ lạm phát giảm 3% svck, mức giảm nhanh nhất trong vòng 20 năm.
- Nhật Bản: GDP đạt 4,100 USD, tăng 2.2% trong quý II, thấp hơn so với dự báo là 2.6%.
- Phillipines: NHTW tăng lãi suất điều hành lên 50bps.
- Reuters: T7/2022, Bộ Tài chính Mỹ ban hành hướng dẫn cho phép trái chủ giảm bớt trái phiếu đang nắm giữ của Nga, ngân hàng lớn phố Wall bắt đầu hỗ trợ giao dịch giúp nhà đầu tư thoái vốn khỏi tài sản này.
- S&P Global và Fitch Ratings: hạ tín nhiệm của Ukraine xuống mức vỡ nợ sau khi được các chủ nợ cho hoãn thanh toán 2 năm.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

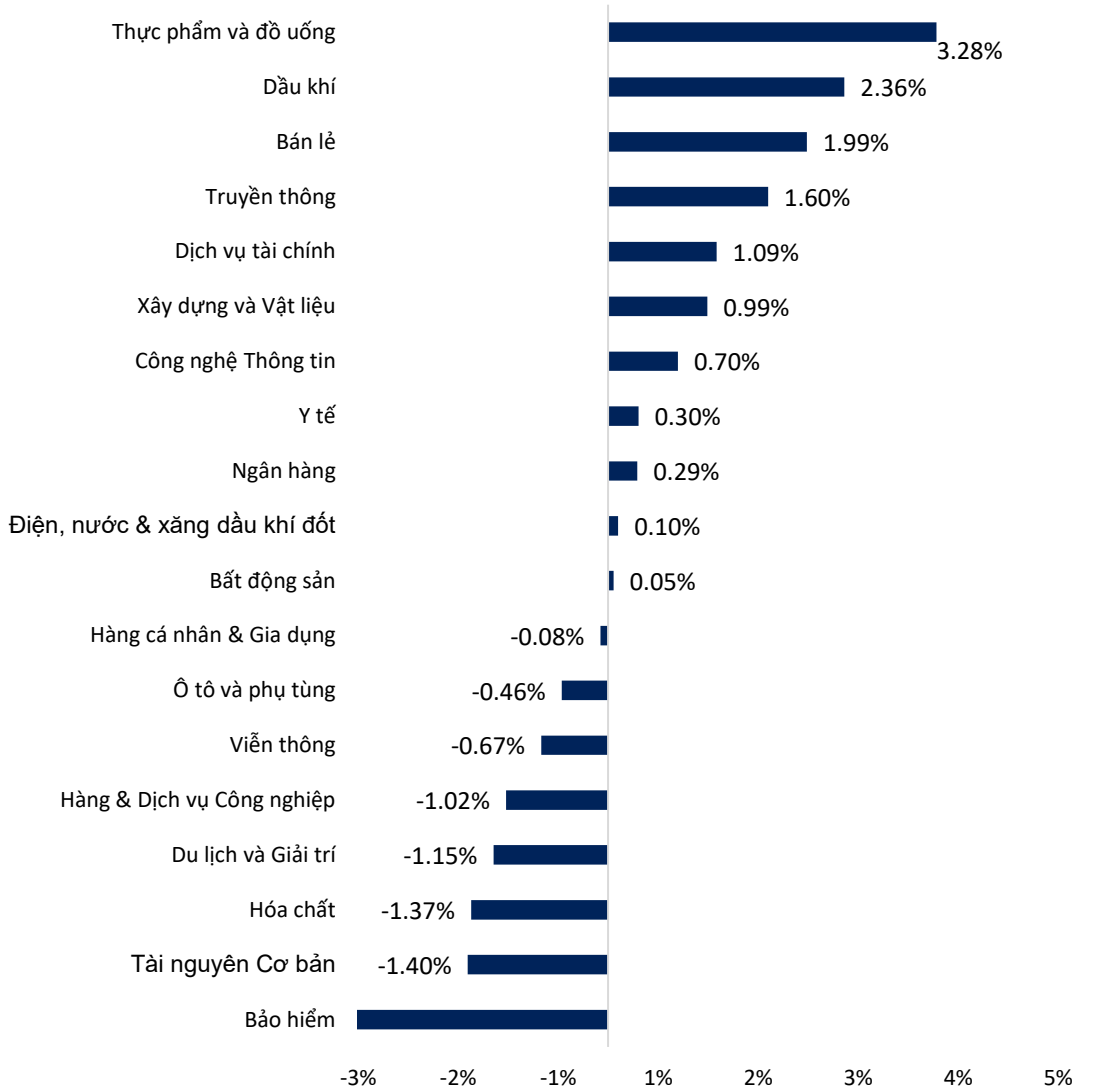
- Thông tin vĩ mô quốc tế và biến động của thị trường chủ chốt.
- Vận động dòng tiền tại ngưỡng cản 1,270 – 1,286 điểm.
- Ngày 22/8, PMI Anh, Nhật Bản, EU; FDI Trung Quốc. 23/8, PMI Australia, Hoa Kỳ; GDP Đức lần cuối; Chỉ số niềm tin tiêu dùng EU; Doanh thu bán nhà mới Hoa Kỳ. 24/8, Doanh thu bán nhà qua sử dụng, đơn đặt hàng lâu bền, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 25/8, Biên bản chính sách tiền tệ ECB, GDP lần 2, tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ. 26/8, Thu nhập cá nhân, cán cân thương mại Hoa Kỳ; CPI Pháp; Cung tiền M3 của EU.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Thực phẩm và đồ uống	0.21%	3.28%	8.38%	VNM	3.06%		
Dầu khí	1.76%	2.36%	6.09%	PLX	1.79%	GAS	1.05%
Bán lẻ	-0.29%	1.99%	9.21%	MWG	1.75%	PNJ	0.53%
Truyền thông	-1.51%	1.60%	3.46%	YEG	-3.40%	FOC	0.84%
Dịch vụ tài chính	-0.07%	1.09%	16.44%	SSI	1.00%	HCM	3.11%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	88.77	-1.91%	-3.61%	-11.12%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	94.81	-1.84%	-3.40%	-7.38%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	298.04	-1.51%	-2.15%	-4.95%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,751.14	-0.42%	-2.84%	3.22%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	19.24	-1.56%	-7.63%	2.98%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,393.25	-0.85%	-4.19%	4.58%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	751.25	0.30%	-8.66%	-10.06%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.11	-0.74%	1.57%	-1.95%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	226.00	-1.74%	-1.18%	-7.38%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	17.81	0.23%	-4.25%	-4.61%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	213.85	0.94%	-3.84%	-0.05%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,031.50	1.35%	-1.73%	10.36%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,998.00	-0.79%	-0.79%	5.07%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,403.00	-0.33%	-4.66%	0.59%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	680.50	-0.95%	-0.95%	8.45%		HPG
Than đá	USD/MT	426.30	-0.54%	10.01%	20.94%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	569.66	-1.35%	-1.35%	1.54%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
SAB	7.14%	2.11
MSN	4.48%	1.73
VIC	2.57%	1.64
VPB	4.52%	1.54
VNM	3.06%	1.17
PDR	7.06%	0.65
GAS	1.05%	0.58
MBB	2.03%	0.53
HDB	3.35%	0.43
MWG	1.75%	0.41
Tổng		10.79

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-1.80%	-1.21
VCB	-0.86%	-0.84
GVR	-2.62%	-0.66
CTG	-1.40%	-0.49
KBC	-6.38%	-0.48
BVH	-4.12%	-0.45
HPG	-0.84%	-0.30
STB	-2.14%	-0.26
BCM	-1.23%	-0.26
HVN	-2.52%	-0.25
Tổng		-5.20

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	596.43	20.60
HDB	260.84	17.77
PVD	174.18	6.27
VNM	118.50	54.41
MSN	108.83	28.78
NVL	104.04	5.78
GMD	79.43	46.48
PVS	70.10	9.41
CTG	58.60	26.87
VND	49.53	18.72
Tổng	1,620.48	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
KBC	-274.15	19.43
VHM	-243.27	23.25
DGC	-98.10	13.88
BSR	-89.04	41.13
VJC	-84.88	16.70
VCB	-80.25	23.54
HCM	-78.65	41.76
TLG	-71.92	23.53
DCM	-40.80	8.86
FUEKIV30	-39.97	
Tổng	-1101.02	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
POW	102.6804	102.5599	1.87%
VNM	108.2735	103.1482	8.32%
BVH	107.6477	100.5107	3.14%
BID	101.8922	102.736	15.06%
CTG	100.6005	103.1962	3.86%
SAB	113.3025	101.1208	23.03%
MSN	103.403	100.2118	-3.57%
NVL	107.2306	100.4049	4.97%
HDB	102.822	101.3576	3.75%
KDH	97.96173	101.4352	0.05%
PLX	94.69547	101.0023	-4.90%
PDR	99.39422	101.6019	7.26%
TCB	96.60239	103.083	4.14%
GVR	92.03528	103.0265	-3.78%
SSI	80.70956	103.9449	-5.33%
STB	95.22822	105.8734	12.81%
VJC	105.8734	98.23812	-2.36%
PNJ	115.1307	96.68908	-8.33%
FPT	112.1972	96.59498	-5.87%
VRE	101.8538	99.33328	-1.68%
MWG	105.5202	94.84117	-16.59%
ACB	105.0427	99.91762	-1.78%
VCB	104.9052	99.58369	1.51%
GAS	110.7003	97.5343	-8.58%
VHM	99.90191	98.58088	-11.26%
VIC	99.2531	98.03821	-13.50%
HPG	87.07015	97.41103	-11.48%
TPB	90.08092	98.7634	-7.49%
MBB	97.56759	98.79213	-1.43%
VPB	96.89989	98.72743	0.48%

Hồi
phục

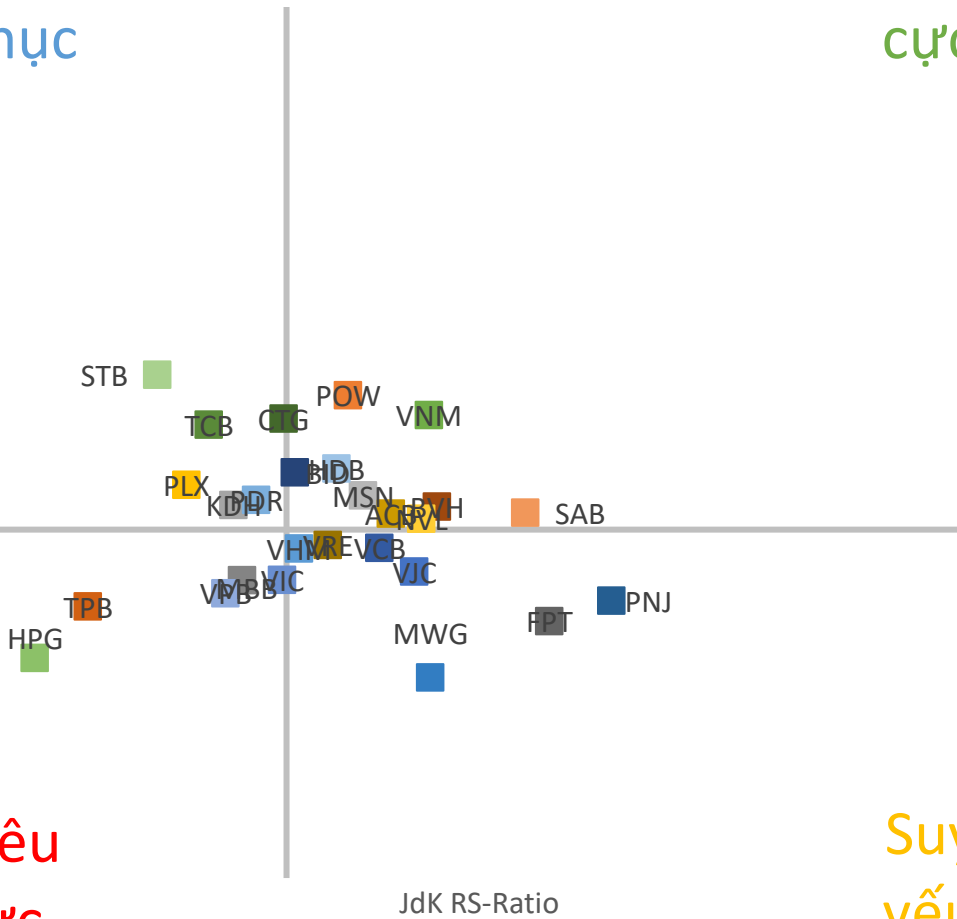
Tích
cực

JdK RS-Momentum

Tiêu
cực

Suy
yếu

CP VN30 vs. VN-Index



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	957.91	5,570.75	23,682.80
Giá trị bán	1,060.35	5,003.14	19,723.41
Mua / bán ròng	-102.43	567.62	3,959.41
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	450.13	2,398.08	9,421.91
Giá trị bán	235.34	2,015.99	7,550.99
Mua / bán ròng	214.78	382.09	1,870.92
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
VPB	235.73	MSN	-54.19
E1VFN30	100.88	HPG	-49.21
NKG	80.19	NVL	-42.20
FUEVFN30	78.01	FPT	-40.42
VCI	76.86	FUEKIV30	-39.96
VND	61.62	MWG	-27.83
HSG	37.61	VNM	-26.41
GEX	35.30	FUEMAV30	-22.71
HTP	30.32	STB	-20.88
MBB	24.65	KDH	-20.71

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
E1VFN30	343.63	0.97	-0.60	-3.67%	-2.51	-9.02	-16.43
FUEMAVN30	29.79	0.68	1.50	-2.49%	1.00	0.98	0.98
FUESSVFL	145.88	0.79	0.00	-2.46%	2.83	8.72	16.19
FUESSVN30	3.83	0.71	0.00	-2.16%	0.0	0.0	0.0
FUEVFN30	763.69	1.19	0.00	-3.30%	-2.7	-52.0	72.2
FUEVN100	10.97	0.74	0.00	-3.05%	0.0	0.7	2.6
FTSE Vietnam	310.21	35.17	0.00	-0.66%	1.9	33.6	34.8
FUBON FTSE	605.47	0.49	5.50	1.29%	5.9	17.4	107.0
iShare	360.80	28.08	0.00	-1.73%	0.0	-6.9	-30.5
KIM	128.31	16.04	0.00	-0.92%	0.0	-3.12	-4.73
PREMIA	25.59	10.24	0.00	0.15%	0.00	2.18	2.20
VNM	387.90	15.45	0.00	-0.03%	0.78	1.51	-16.64

Nhận định: Khối ngoại mua ròng trong tuần. Các ETF giao dịch trái chiều, ETF Finlead, MiraeVN30, FTSE Vietnam, Fubon tăng quy mô trong khi ETF E1, Diamond giảm quy mô. Trong tuần khối ngoại mua ròng ở nhiều thị trường ngoại trừ thị trường Đài Loan.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

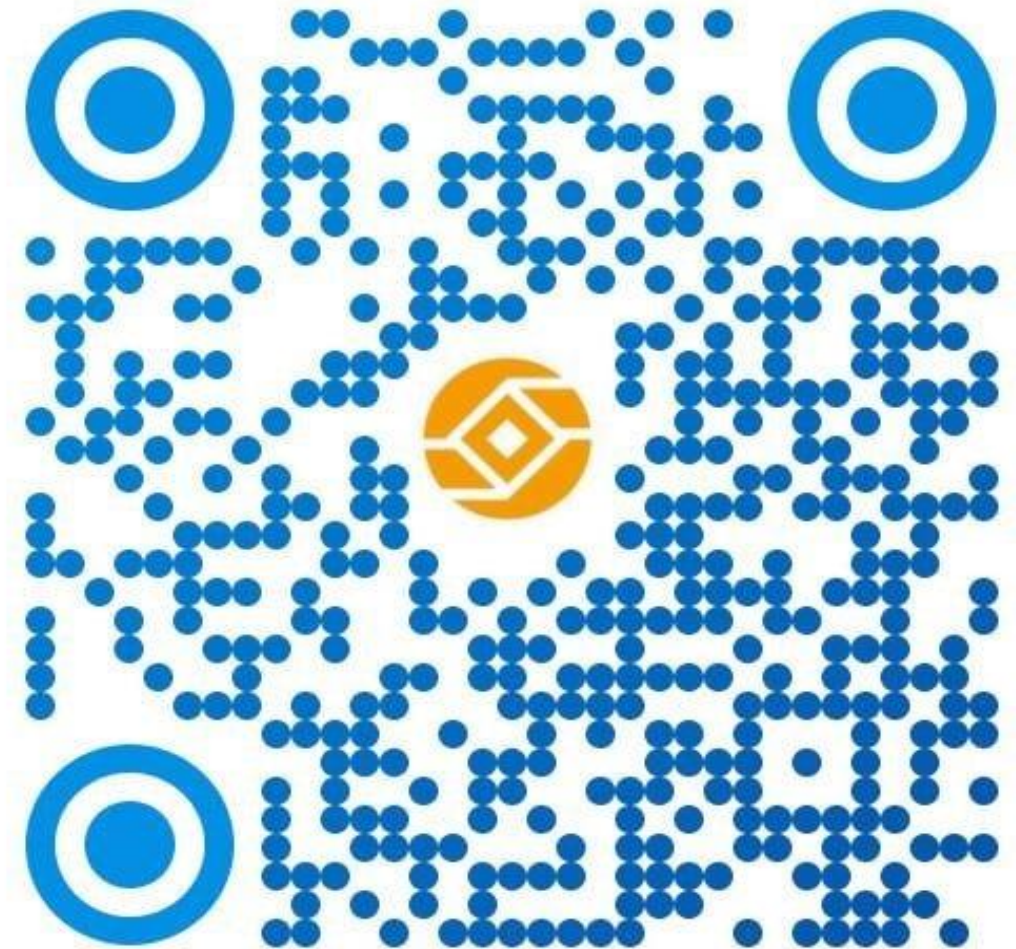
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

